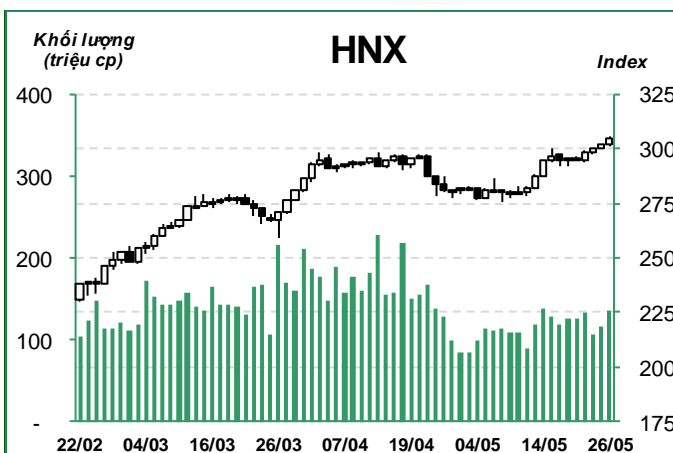
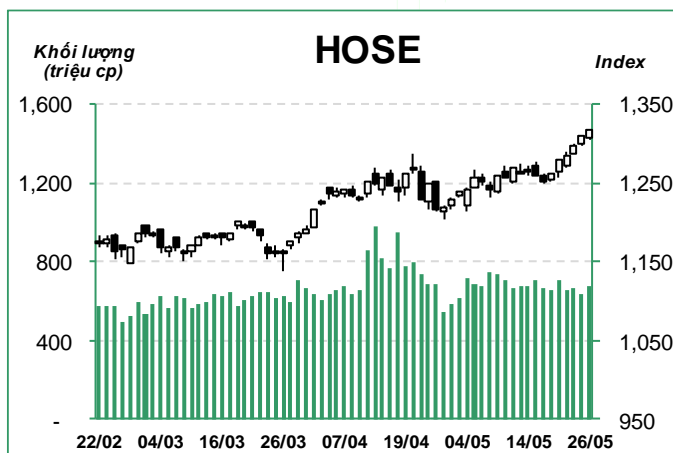


Tổng quan thị trường

26/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,316.70	0.62%	1,455.11	0.77%	304.86	1.08%
Cuối tuần trước	1,283.93	2.55%	1,425.04	2.11%	297.99	2.30%
Trung bình 20 ngày	1,268.43	3.81%	1,376.74	5.69%	290.02	5.12%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	713.07	5.01%	242.86	8.38%	138.79	5.91%
KLGĐ khớp lệnh	676.24	5.77%	233.97	11.53%	135.93	17.04%
Trung bình 20 ngày	685.03	-1.28%	257.55	-9.16%	117.73	15.46%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	21,689.51	2.09%	12,138.78	5.60%	3,104.91	7.21%
GTGD khớp lệnh	20,454.44	5.36%	11,678.91	9.93%	3,031.94	17.53%
Trung bình 20 ngày	20,217.03	1.17%	11,975.94	-2.48%	2,466.95	22.90%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	166	36%	16	53%	72	20%
Số mã giảm	244	53%	12	40%	129	35%
Số mã đứng giá	54	12%	2	7%	167	45%



Thị trường nổi dài mạch tăng điểm với diễn biến “xanh vỏ đỏ lòng” của các chỉ số chính với các cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm ngân hàng vẫn chưa có tín hiệu điều chỉnh trong khi các cổ phiếu midcap và penny đa phần đều giao dịch dưới ngưỡng tham chiếu. Bên cạnh sự hưng phấn của dòng tiền nhà đầu tư trong nước, động thái mua ròng trở lại của khối ngoại trên cả 2 sàn HoSE và HNX cũng là điểm nhấn đáng chú ý của phiên giao dịch hôm nay.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index có phiên tăng điểm thứ 6 liên tiếp và chốt phiên tại mức 1,316.70 điểm (+0.62%). KLGĐ khớp lệnh đạt 676.2 triệu cổ phiếu (+5.8%), tương đương 20,454 tỷ đồng giá trị (+5.4%). Tuy nhiên, độ rộng thị trường lại ghi nhận sự áp đảo của bên bán với 244 mã giảm/166 mã tăng.

Áp lực chốt lời gia tăng sau những phiên hưng phấn liên tiếp khiến cho đa phần các nhóm ngành đảo chiều giảm trở lại. Duy chỉ có nhóm ngân hàng vẫn còn động lực hút tiền giúp chỉ số duy trì được sắc xanh với các cổ phiếu tăng khá mạnh như MBBank-MBB (+4.7%), SeABank-SSB (+6.7%), Eximbank-EIB (+6.9%) hay Techcombank-TCB (+2.3%). Ngoài ra, một số cổ Bluechips khác cũng giao dịch khởi sắc trong phiên hôm nay có thể kể đến như Sabeco-SAB (+3.7%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+1.7%) hay FPT-FPT (+1.6%). Ở chiều ngược lại, những cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực nhất đến chỉ số là Novaland-NVL (-1.5%), Vingroup-VIC (-0.5%), PV Gas-GAS (-1.2%) và Petrolimex-PLX (-1.6%).

Sau hơn 2 tuần bán ròng miệt mài, khối ngoại có động thái giải ngân trở lại khi mua ròng trên sàn HoSE trong phiên hôm nay với giá trị 115.2 tỷ đồng. Với lực mua tập trung ở các cổ phiếu như Petrolimex-PLX (+136.5 tỷ), Vinhomes-VHM (+84.6 tỷ), Vincom Retail-VRE (+68.9 tỷ). Trái lại, khối ngoại tiếp tục bán ròng nhiều với một số cổ phiếu như Hòa Phát-

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
TCB	4,596.0	220.75
HPG	2,239.0	142.30
VIB	2,220.0	126.71
HNG	10,000.0	106.00
SJS	882.4	44.91
IJC	1,334.1	37.92
MBB	985.5	33.04
AGG	660.0	31.21
SCR	2,907.5	25.89
EIB	974.0	25.84
HNX		
IDC	890.0	35.19
NVB	1,424.3	28.20
VC3	132.0	2.40
DNP	90.6	1.99
TAR	90.0	1.48
SHB	50.1	1.33
PSD	90.0	1.30
ART	50.0	0.55
VNF	31.7	0.41
WSS	17.8	0.12

HPG (-157.5 tỷ), Novaland-NVL (-76.5 tỷ), Vingroup-VIC (-70.8 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng có diễn biến tăng điểm hưng phấn và chốt phiên tại mức 304.86 điểm (+1.08%). Thanh khoản tăng vọt lên mức cao với KLGD khớp lệnh đạt 135.9 triệu cổ phiếu (+17.0%), tương đương 3,031.9 tỷ đồng giá trị (+17.5%).

Nhóm ngân hàng cũng là nhân tố chính kéo điểm trên sàn HNX khi Ngân hàng Bắc Á-BAB (+9.8%) bất ngờ được kéo trần còn Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+2.0%) cũng có mức tăng tốt đi kèm với khối lượng tăng đột biến. Bên cạnh đó, lực cầu cũng lan tỏa đến nhiều trụ cột khác trên sàn như Nhựa Tiên Phong-NTP (+4.3%), Thaiholdings-THD (+0.3%), Tập đoàn Trí Việt-TVC (+9.2%). Ở chiều ngược lại, một số cổ phiếu giảm sâu, tác động tiêu cực đến chỉ số là Idico-IDC (-2.2%), Bảo hiểm PVI-PVI (-1.7%) và Chứng khoán Artex-ART (-8.0%).

Tương tự như sàn HoSE, khối ngoại cũng đảo chiều mua ròng trên sàn HNX trong phiên hôm nay, đạt giá trị 36.1 tỷ đồng. Trong đó, bộ đôi cổ phiếu vốn hóa lớn nhất sàn là Thaiholdings-THD (+47.4 tỷ) và Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+3.8 tỷ) được mua nhiều nhất. Trái lại, Thủy lợi Lâm Đồng-LHC (-13.6 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (-1.7 tỷ), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-0.9 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng chủ yếu.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ sáu liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền tham gia thị trường tích cực. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn. Thêm vào đó, bộ chỉ báo của chúng tôi tương đối đồng thuận và cho tín hiệu củng cố xu hướng hiện tại, với MACD và RSI đang hướng lên, chỉ số có thể tiếp tục tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự 1,360 điểm (Fib 127.2, đây là Fib thoát lui hình thành từ đỉnh 2018 và đáy 2020). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn. Chỉ số có thể hướng lên vùng kháng cự quanh 330 điểm (Fib 38.2, đây là mức Fib đo được từ việc chia sóng 5 của chỉ số, tính từ tháng 7/2020 là đầu sóng 1). Nhìn chung, thị trường nằm trong xu hướng tăng. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư tận dụng các nhịp rung lắc để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KMR	6.0	1,254.8	7.0%
SPM	13.9	8.3	6.9%
ABS	37.9	320.6	6.9%
EIB	28.7	2,684.4	6.9%
DCL	44.2	1,100.5	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
COM	42.8	2.7	-7.0%
AMD	5.7	16,955.1	-6.9%
VDP	33.1	1.1	-6.8%
SC5	22.1	0.1	-6.2%
PTC	9.2	0.9	-6.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	67.6	2,367.7	1.2%
MBB	37.5	1,285.3	4.7%
HPG	67.8	1,187.1	0.6%
TCB	52.8	1,076.0	2.3%
STB	29.5	932.8	0.5%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPB	67.6	35,297.1	1.2%
MBB	37.5	34,656.5	4.7%
STB	29.5	31,559.6	0.5%
ROS	6.4	28,687.2	-2.9%
LPB	25.4	27,082.7	6.3%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BAB	28.0	889.4	9.8%
VNF	15.7	53.9	9.8%
HCT	12.4	1.2	9.7%
L18	19.2	81.1	9.7%
CMC	6.8	0.1	9.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
THS	38.1	0.6	-9.9%
CAN	38.3	0.1	-9.9%
VNC	33.4	0.5	-9.5%
ALT	14.4	0.1	-9.4%
CPC	18.4	0.1	-8.9%

Top 5 giá trị

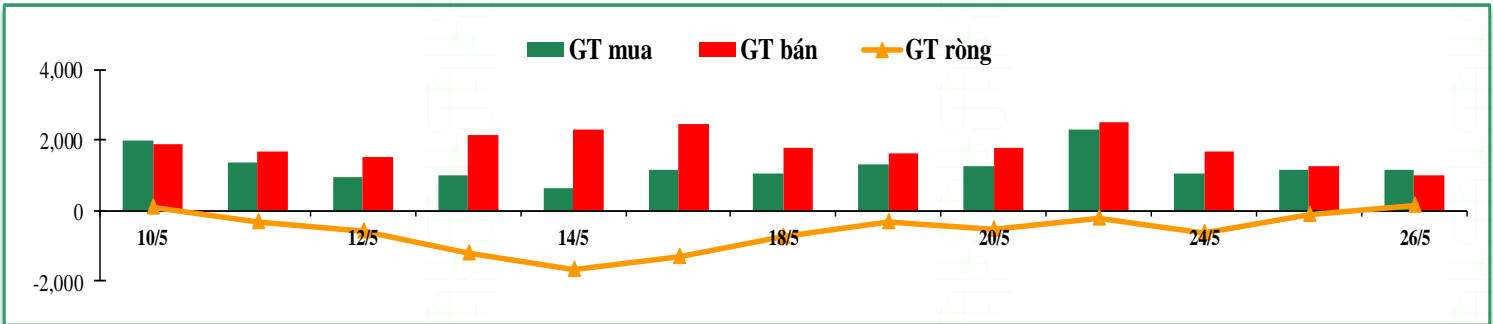
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	30.0	1,183.9	2.0%
THD	197.1	328.2	0.3%
SHS	34.3	256.6	0.6%
PVS	22.6	174.0	-0.4%
NVB	18.1	127.5	0.6%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	30.0	39,444.8	2.0%
ART	9.2	8,094.5	-8.0%
HUT	6.8	8,027.1	3.0%
PVS	22.6	7,730.2	-0.4%
SHS	34.3	7,498.1	0.6%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,101.6	5.1%	986.5	4.5%	115.2
HNX	57.8	1.9%	21.7	0.7%	36.1
Tổng số	1,159.4		1,008.2		151.2



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	55.3	139.1	-1.6%
VHM	105.7	102.0	1.1%
VNM	91.0	89.9	0.6%
VRE	31.3	79.3	0.2%
HPG	67.8	71.0	0.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	67.8	228.5	0.6%
NVL	133.5	88.5	-1.5%
VIC	121.7	78.8	-0.5%
VNM	91.0	41.5	0.6%
VCB	100.4	40.8	0.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	55.3	136.5	-1.6%
VHM	105.7	84.6	1.1%
VRE	31.3	68.9	0.2%
VNM	91.0	48.4	0.6%
STB	29.5	43.2	0.5%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	197.1	47.4	0.3%
SHB	30.0	4.1	2.0%
VND	45.6	1.3	0.0%
IDV	67.9	0.4	-0.1%
SHS	34.3	0.4	0.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
LHC	80.1	13.6	-8.8%
VND	45.6	2.2	0.0%
PAN	24.9	1.7	-0.4%
ART	9.2	0.7	-8.0%
VCS	96.0	0.7	0.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	197.1	47.4	0.3%
SHB	30.0	3.8	2.0%
IDV	67.9	0.4	-0.1%
KLF	4.9	0.3	-3.9%
VIG	5.1	0.3	-3.8%

Tin trong nước

Vốn FDI 5 tháng đầu năm đạt 14 tỷ USD, tăng nhẹ so với năm ngoái

Bộ Kế hoạch & Đầu tư vừa thông tin tổng vốn FDI đăng ký cấp mới, điều chỉnh và vốn góp, mua cổ phần đạt gần 14 tỷ USD tính đến 20/5, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Vốn FDI thực hiện đạt gần 7,2 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm vừa qua.

Trong đó, số dự án được cấp mới là 613 với tổng vốn đăng ký đạt hơn 8,8 tỷ USD, giảm gần 50% về số lượng nhưng tăng hơn 18% về giá trị so với cùng kỳ. Số dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư là 342 với tổng vốn đăng ký tăng thêm gần 3,9 tỷ USD, giảm hơn 21% về số lượng dự án nhưng tăng gần 12% về giá trị. Trong 5 tháng vừa qua, số lượt góp vốn, mua cổ phần đạt hơn 1,3 tỷ USD, giảm lần lượt gần 60% và hơn 56% về số lượt góp vốn cũng như giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hiện dòng vốn FDI đã đầu tư vào 18 ngành, lĩnh vực, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 6,1 tỷ USD, chiếm gần 44% tổng vốn đầu tư đăng ký. Đứng thứ hai là sản xuất, phân phối điện với tổng vốn đăng ký đạt hơn 5,4 tỷ USD. Tiếp đến là kinh doanh bất động sản với tổng vốn đăng ký đạt 1,05 tỷ USD.

Singapore duy trì vị thế dẫn đầu dòng vốn FDI trong tổng số 70 quốc gia và vùng lãnh thổ có hoạt động đầu tư tại Việt Nam, với 5,26 tỷ USD vốn đăng ký, chiếm gần 38% tổng vốn đăng ký. Nhật Bản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt gần 2,6 tỷ USD, chiếm gần 19%. Hàn Quốc đứng thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 1,8 tỷ USD, chiếm hơn 13%.

Giống như tháng trước, Long An vẫn dẫn đầu trong hoạt động thu hút FDI trên cả nước với tổng vốn đăng ký 3,35 tỷ USD, chiếm gần 24% tổng vốn đăng ký của toàn quốc. Tiếp đến là TP HCM với vốn đăng ký đạt 1,34 tỷ USD. Cần Thơ xếp ở vị trí thứ 3 với hơn 1,32 tỷ USD.

Lũy kế đến nay, Việt Nam có 33.615 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 396,86 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế ước đạt 240 tỷ USD, bằng hơn 60% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Techcombank sắp phát hành hơn 6 triệu cổ phiếu ESOP giá 10.000 đồng/cp

HĐQT Techcombank (HoSE: TCB) thông qua phát hành cổ phần cho người lao động theo chương trình lựa chọn (ESOP). Ngân hàng dự kiến phát hành hơn 6 triệu cổ phiếu, gồm 705.367 cổ phiếu phát hành cho người lao động nước ngoài và hơn 5,3 triệu cổ phiếu phát hành cho người lao động Việt Nam. Tỷ lệ cổ phiếu phát hành/tổng cổ phiếu đang lưu hành là 0,1714%. Giá phát hành là 10.000 đồng/cp.

Cổ phiếu ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2021 ngay sau khi được NHNN, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Tháng 11/2020, Techcombank cũng đã phát hành hơn 4,7 triệu cổ phiếu ESOP.

Năm nay, ngân hàng tiếp tục trình không chia cổ tức 2020 nhằm để lợi nhuận phục vụ hoạt động kinh doanh.

Novaland thông qua nghị quyết phân phối cổ phiếu thưởng với tỷ lệ gần 36%

Chiều 26/05/2021, CTCP Tập đoàn Đầu tư địa ốc No Va (Novaland – mã chứng khoán NVL) vừa công bố nghị quyết của HĐQT về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Danh sách cổ đông được chốt vào ngày 10/6 tới đây.

Novaland dự kiến phát hành gần 386 triệu cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tính đến hết năm 2020, ngoài 12.051 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, Novaland còn có 3.970 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần. Qua đó, vốn điều lệ tăng từ 10.728 tỷ đồng lên 14.587 tỷ đồng.

Trước đó, Novaland đã công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2021 với doanh thu thuần đạt 4.507 tỷ đồng, tăng hơn 372% so với cùng kỳ.

Đông Hải Bến Tre có thêm cổ đông lớn

KIM Vietnam Growth Equity Fund vừa mua thêm 250.000 cổ phiếu Đông Hải Bến Tre (HoSE: DHC) vào ngày 18/5. Giao dịch này giúp tổng sở hữu nhóm quỹ đến từ Hàn Quốc tăng lên trên 2,8 triệu cổ phiếu DHC, tỷ lệ 5,05% và chính thức trở thành cổ đông lớn.

Trên thị trường, cổ phiếu DHC đang có giai đoạn tăng giá ấn tượng lên vùng đỉnh lịch sử 105.500 đồng/cp, tăng 73% so với thời điểm đầu năm hay gấp 3 lần trong năm giao dịch gần nhất. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tăng từ 27,6% đầu năm lên khoảng 32% như hiện tại

Hiện nhóm KIM là cổ đông ngoại lớn thứ 2 tại doanh nghiệp, xếp sau một quỹ khác là KWE Beteiligung AG với tỷ lệ nắm giữ 13,78%. Với thị giá trên, tạm tính lượng cổ phần DHC mà quỹ Hàn Quốc nắm giữ có giá trị 298 tỷ đồng, còn của KWE Beteiligung AG là khoảng 814 tỷ đồng.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	CKG	Chốt lời	27/05/21	16.65	15.5	7.4%	19.3	24.5%	14.9	-3.9%	Xu hướng yếu đi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	DIG	Quan sát mua	27/05/21	30.2	33 38	Giá vẫn đang trong vùng sideway 26-30, nhưng nhịp tăng hiện tại đang có đà tăng khá mạnh thể hiện qua các nền thân dài kèm vol tăng dần -> khả năng có thể break vùng này và bắt đầu nhịp tăng mới
2	PVT	Quan sát mua	27/05/21	17.45	19.5 23	Giá chưa thoát mẫu hình Tam giác nhưng đã tăng các phiên gần đây mạnh và đã vượt được đỉnh gần nhất + vol tăng dần trở lại -> khả năng có thể sớm break và bắt đầu nhịp tăng mới
3	ACV	Quan sát mua	27/05/21	69.9	77 82-83	Nhịp điều chỉnh yếu dần khi về quanh MA200 + vol tăng dần trở lại + RSI phân kỳ dương -> khả năng sớm tạo đáy và tăng trở lại, cần phiên tăng vượt 70.8 để xác nhận

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	20/04/21	95.3	81.5	16.9%	108.5	33.1%	78.8	-3%	
2	VSC	Mua	28/04/21	51.5	49.9	3.2%	55	10.2%	47	-6%	
3	MWG	Mua	04/05/21	144.9	140.9	2.8%	172	22%	134.6	-4%	
4	STB	Nắm giữ	05/05/21	29.5	24.1	22.4%	30	24%	22.9	-5%	
5	SSI	Mua	13/05/21	40.95	34.8	17.7%	42	21%	33.5	-4%	
6	PVS	Mua	19/05/21	22.6	21.8	3.7%	24.5	12%	20.5	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

7	VHM	Mua	20/05/21	105.7	100.4	5.3%	110	10%	96.5	-4%	
8	HDG	Mua	24/05/21	43.85	41.95	4.5%	47.6	13%	40.3	-4%	
9	BVS	Mua	25/05/21	24.4	22.8	7.0%	26	14%	21.3	-7%	
10	AGR	Mua	26/05/21	11.7	11.55	1.3%	13	13%	11	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 26/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,080	1.5%	252%	34,070	27	95,300	9,076	(4)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	5,250	1.0%	250%	11,520	40	95,300	3,496	(1,754)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	4,050	-10.0%	305%	24,020	119	32,800	698	(3,352)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	44,460	0.0%	680%	5,090	35	67,800	41,853	(2,607)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,030	-4.7%	665%	4,390	119	67,800	5,310	(2,720)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	29,000	0.0%	339%	1,780	40	67,800	26,896	(2,104)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	14,240	-0.4%	265%	13,630	41	67,800	12,951	(1,289)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,860	0.1%	491%	3,360	40	67,800	7,702	(1,158)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	3,000	15,400	-0.3%	413%	16,670	75	67,800	12,992	(2,408)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	4,100	13,100	-1.4%	220%	9,750	93	67,800	8,937	(4,163)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	1,300	6,380	-3.3%	391%	16,370	78	67,800	1,751	(4,629)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CHPG2108	1,200	6,540	0.8%	445%	25,640	78	67,800	1,734	(4,806)	KIS	HPG	59,456	5.0	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,780	1.3%	136%	7,690	82	37,100	2,475	(1,305)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	3,000	-5.7%	200%	6,770	119	37,100	845	(2,155)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,950	0.9%	113%	6,030	79	37,100	3,073	(2,877)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	21,400	8.9%	365%	18,130	19	37,500	21,518	118	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	7,900	5.3%	394%	28,190	41	37,500	5,781	(2,119)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,850	6.9%	221%	27,500	78	37,500	331	(3,519)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	3,710	-9.5%	253%	6,900	119	113,600	756	(2,954)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	3,580	-9.8%	258%	7,670	119	113,600	356	(3,224)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	7,100	1.3%	137%	8,670	79	113,600	4,335	(2,765)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	28,230	-7.8%	135%	4,130	35	144,900	24,549	(3,681)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	3,770	-1.1%	122%	30,450	15	144,900	3,700	(70)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	3,890	-8.5%	62%	11,240	41	144,900	2,818	(1,072)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	8,400	3.3%	180%	11,740	68	144,900	5,076	(3,324)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	1,900	2,950	-1.7%	55%	8,020	40	144,900	1,670	(1,280)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	10,200	-2.9%	325%	3,580	(65)	144,900	(38)	(10,238)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	5,170	1.4%	75%	7,250	93	144,900	1,823	(3,347)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,160	-2.6%	616%	35,540	16	133,500	7,028	(132)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	4,900	-3.0%	390%	6,260	119	133,500	3,547	(1,353)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,800	-2.3%	245%	13,390	124	133,500	523	(3,277)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,680	-8.2%	235%	78,200	93	74,800	24	(3,656)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,280	-14.2%	289%	64,760	124	74,800	91	(4,189)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,940	-3.6%	73%	12,220	41	101,800	2,423	(517)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,890	-5.0%	195%	7,610	68	101,800	4,424	(1,466)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	4,730	-3.5%	63%	10,410	23	101,800	4,621	(109)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	3,590	-9.8%	56%	21,530	41	59,100	2,804	(786)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,620	-5.4%	138%	6,980	119	19,350	9	(2,611)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2010	1,100	8,830	0.2%	703%	55,750	16	29,500	8,756	(74)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	17,570	-0.6%	362%	6,230	19	29,500	17,513	(57)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	7,330	-1.0%	633%	4,490	119	29,500	3,836	(3,494)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	11,600	1.8%	480%	8,870	9	29,500	11,510	(90)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	7,850	0.1%	461%	11,340	75	29,500	5,790	(2,060)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	11,000	-2.7%	175%	10,750	93	29,500	6,732	(4,268)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	30,900	2.8%	472%	14,510	65	52,800	30,884	(16)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,000	0.8%	380%	11,850	132	52,800	22,040	(1,960)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	9,100	2.3%	296%	15,350	41	52,800	8,443	(657)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	10,450	0.5%	260%	25,390	75	52,800	8,728	(1,722)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,510	-4.9%	276%	11,470	93	52,800	3,671	(3,839)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,570	-3.8%	61%	24,530	82	23,000	135	(2,435)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	3,000	-1.6%	200%	5,680	119	23,000	183	(2,817)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	3,690	-0.5%	34%	9,270	79	23,000	122	(3,568)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	2,080	-5.0%	73%	32,340	78	23,000	0	(2,080)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	1,940	3.7%	39%	63,050	16	105,700	1,690	(250)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,900	2.4%	255%	21,250	119	105,700	262	(3,638)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	3,450	0.0%	82%	23,250	41	105,700	1,891	(1,559)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	1,450	16.0%	-12%	23,230	9	105,700	1,275	(175)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	3,970	6.7%	148%	20,980	75	105,700	849	(3,121)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	4,100	-4.7%	173%	8,630	79	105,700	442	(3,658)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	4,140	1.5%	218%	13,650	78	105,700	17	(4,123)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	1,500	1,870	1.1%	25%	28,140	16	121,700	1,493	(377)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVIC2101	1,000	3,810	-9.9%	281%	6,320	119	121,700	156	(3,654)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	2,160	-1.4%	20%	11,550	9	121,700	2,175	15	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVIC2103	1,100	3,190	13.9%	190%	33,590	124	121,700	0	(3,190)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVJC2006	1,000	350	-10.3%	-65%	63,800	16	113,000	101	(249)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	390	-2.5%	-65%	30,550	16	91,000	(0)	(390)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,600	-1.9%	136%	4,740	119	91,000	0	(2,600)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	1,950	-11.4%	15%	29,860	41	91,000	0	(1,950)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	1,140	-9.5%	-33%	19,260	23	91,000	0	(1,140)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	1,480	3,610	-8.6%	144%	14,640	110	91,000	26	(3,584)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVNM2105	1,100	2,050	-6.8%	86%	53,160	124	91,000	0	(2,050)	KIS	VNM	119,399	20.0	27/09/2021
CVPB2015	5,600	42,500	2.7%	659%	2,450	65	67,600	41,699	(801)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,500	0.3%	434%	10,600	41	67,600	15,345	(155)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	16,100	-2.4%	475%	5,610	9	67,600	16,059	(41)	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	15,900	0.6%	489%	23,250	75	67,600	15,630	(270)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	9,180	0.0%	267%	12,660	93	67,600	6,289	(2,891)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2011	1,500	440	-6.4%	-71%	19,500	16	31,250	6	(434)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	7,250	-2.0%	45%	15,740	65	31,250	3,868	(3,382)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,620	-3.7%	118%	6,670	119	31,250	114	(2,506)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,800	-10.5%	0%	70,480	41	31,250	353	(1,447)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,530	-6.3%	95%	21,080	75	31,250	163	(2,367)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,820	0.5%	27%	11,400	79	31,250	79	(3,741)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
FRT	(New)	HOSE	25,750	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW	(New)	HOSE	137,900	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ	(New)	HOSE	101,800	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG	(New)	HOSE	144,900	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB	(New)	HOSE	163,800	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN	(New)	HOSE	113,600	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM	(New)	HOSE	91,000	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM	(New)	HOSE	89,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK	(New)	HOSE	33,000	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	133,500	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	42,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
NLG		HOSE	38,650	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
KDH		HOSE	37,100	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
VCB		HOSE	100,400	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	38,450	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	52,800	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	16,050	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	58,700	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
VNM		HOSE	91,000	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
CTD		HOSE	58,000	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
DHG		HOSE	95,000	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
HPG		HOSE	67,800	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT		HOSE	95,300	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	20,300	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	38,800	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
VHC		HOSE	39,350	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
ACV		UPCOM	69,900	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

ANV		HOSE	24,900	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
REE		HOSE	59,100	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
PLX		HOSE	55,300	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	19,350	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
MPC		UPCOM	35,500	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
FMC		HOSE	33,450	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
GVR		HOSE	27,450	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
QNS		UPCOM	39,200	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
VRE		HOSE	31,250	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
GAS		HOSE	81,900	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	52,900	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD		HOSE	38,050	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
TNG		HOSE	19,900	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	60,400	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	15,500	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	17,300	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
IMP		HOSE	72,600	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
VHM		HOSE	105,700	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
LHG		HOSE	41,200	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR		HOSE	53,600	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
CTR		UPCOM	83,400	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	11,650	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.